# FATCA 及 CRS 個人客戶自我聲明書暨個人資料同意書
# Tờ khai tự xác nhận FATCA và CRS cho khách hàng cá nhân và giấy đồng ý về thông tin cá nhân

## 填寫原因：

為遵循以「美國外國帳戶稅收遵從法」(FATCA)為目的締結的跨政府協議(IGA)和金融機構執行共同申報及盡職審查作業辦法(CRS)，金融機構須蒐集和審查稅務用途金融帳戶資訊以辨識帳戶持有人的稅務居民身分或多個稅務居民身分。

## Lý do điền：

Tuân theo "Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ" (FATCA) nhằm mục đích thoả thuận Hiệp định Liên chính phủ (IGA) và thực hiện các quy định về quy trình tuân thủ Tiêu chuẩn báo cáo chung (CRS), các tổ chức tài chính phải thu thập và xem xét thông tin tài khoản tài chính sử dụng thuế để xác định danh tính tài khoản của cư dân thuế hoặc nhiều cư dân thuế.

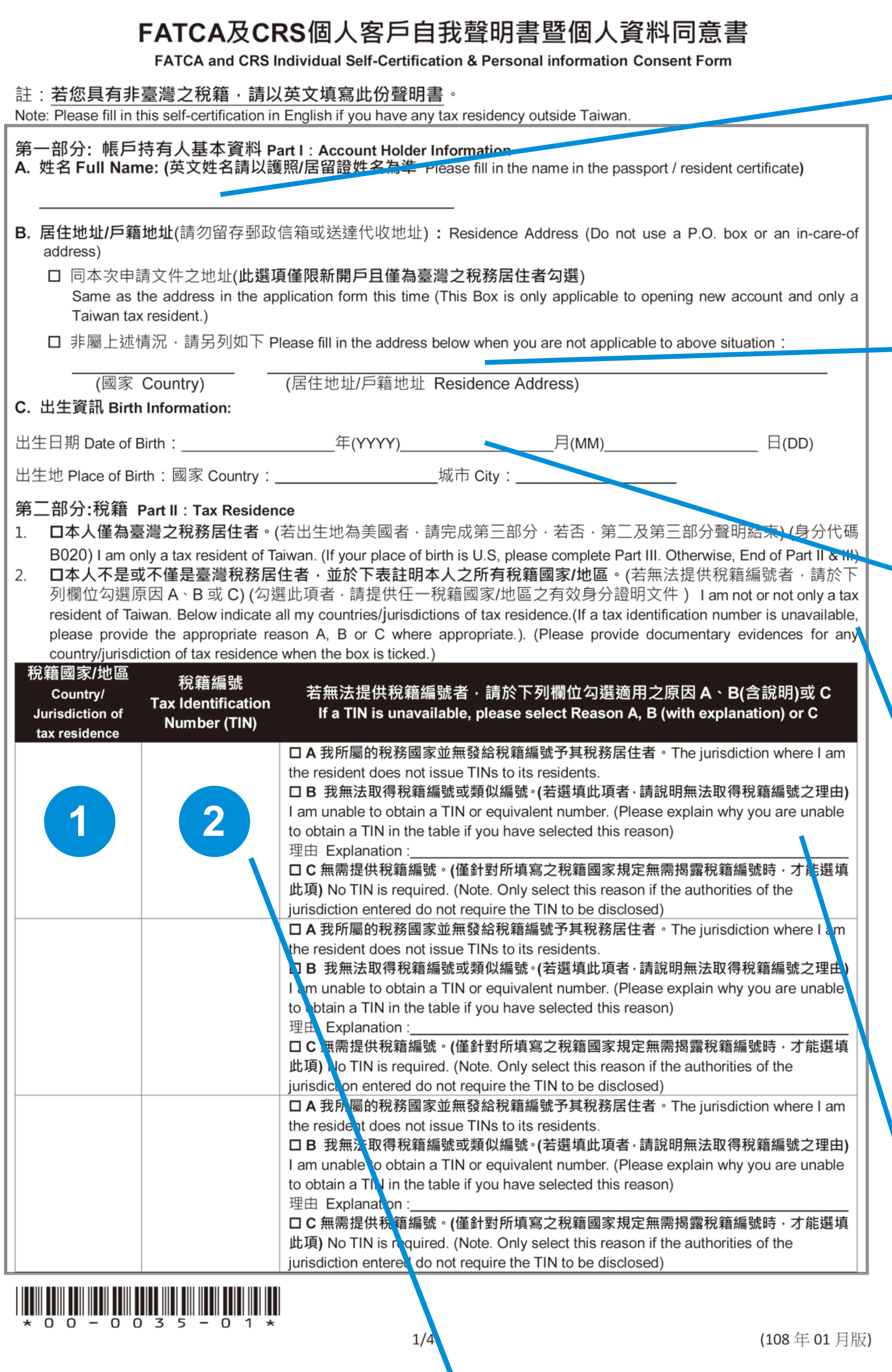

**FATCA及CRS個人客戶自我聲明書暨個人資料同意書**
**FATCA and CRS Individual Self-Certification & Personal information Consent Form**

註：若您具有非臺灣之稅籍，請以英文填寫此份聲明書。
Note: Please fill in this self-certification in English if you have any tax residency outside Taiwan.

**第一部分：帳戶持有人基本資料 Part I：Account Holder Information**

**A. 姓名 Full Name: (英文姓名請以護照/居留證姓名為準 Please fill in the name in the passport / resident certificate)**

**B. 居住地址/戶籍地址**(請勿留存郵政信箱或送達代收地址)：Residence Address (Do not use a P.O. box or an in-care-of address)

☐ 同本次申請文件之地址(**此選項僅限新開戶且僅為臺灣之稅務居住者勾選**) Same as the address in the application form this time (This Box is only applicable to opening new account and only a Taiwan tax resident.)

☐ 非屬上述情況，請另列如下 Please fill in the address below when you are not applicable to above situation：

(國家 Country) (居住地址/戶籍地址 Residence Address)

**C. 出生資訊 Birth Information:**

出生日期 Date of Birth：_____年(YYYY)_____月(MM)_____日(DD)

出生地 Place of Birth：國家 Country：_____城市 City：_____

**第二部分:稅籍 Part II：Tax Residence**

1. **☐本人僅為臺灣之稅務居住者。**(若出生地為美國者，請完成第三部分，若否，第二及第三部分聲明結束) (身分代碼 B020) I am only a tax resident of Taiwan. (If your place of birth is U.S, please complete Part III. Otherwise, End of Part II & III)
2. **☐本人不是或不僅是臺灣稅務居住者，並於下表註明本人之所有稅籍國家/地區。**(若無法提供稅籍編號者，請於下列欄位勾選原因 A、B 或 C) (勾選此項者，請提供任一稅籍國家/地區之有效身分證明文件) I am not or not only a tax resident of Taiwan. Below indicate all my countries/jurisdictions of tax residence.(If a tax identification number is unavailable, please provide the appropriate reason A, B or C where appropriate.). (Please provide documentary evidences for any country/jurisdiction of tax residence when the box is ticked.)

| 稅籍國家/地區 Country/ Jurisdiction of tax residence | 稅籍編號 Tax Identification Number (TIN) | 若無法提供稅籍編號者，請於下列欄位勾選適用之原因 A、B(含說明)或 C If a TIN is unavailable, please select Reason A, B (with explanation) or C |
|---|---|---|
| ① | ② | ☐ **A 我所屬的稅務國家並無發給稅籍編號予其稅務居住者**。The jurisdiction where I am the resident does not issue TINs to its residents.<br>☐ **B 我無法取得稅籍編號或類似編號。(若選填此項者，請說明無法取得稅籍編號之理由)** I am unable to obtain a TIN or equivalent number. (Please explain why you are unable to obtain a TIN in the table if you have selected this reason)<br>理由 Explanation :_____<br>☐ **C 無需提供稅籍編號。(僅針對所填寫之稅籍國家規定無需揭露稅籍編號時，才能選填此項)** No TIN is required. (Note. Only select this reason if the authorities of the jurisdiction entered do not require the TIN to be disclosed) |
| | | ☐ **A 我所屬的稅務國家並無發給稅籍編號予其稅務居住者**。The jurisdiction where I am the resident does not issue TINs to its residents.<br>☐ **B 我無法取得稅籍編號或類似編號。(若選填此項者，請說明無法取得稅籍編號之理由)** I am unable to obtain a TIN or equivalent number. (Please explain why you are unable to obtain a TIN in the table if you have selected this reason)<br>理由 Explanation :_____<br>☐ **C 無需提供稅籍編號。(僅針對所填寫之稅籍國家規定無需揭露稅籍編號時，才能選填此項)** No TIN is required. (Note. Only select this reason if the authorities of the jurisdiction entered do not require the TIN to be disclosed) |
| | | ☐ **A 我所屬的稅務國家並無發給稅籍編號予其稅務居住者**。The jurisdiction where I am the resident does not issue TINs to its residents.<br>☐ **B 我無法取得稅籍編號或類似編號。(若選填此項者，請說明無法取得稅籍編號之理由)** I am unable to obtain a TIN or equivalent number. (Please explain why you are unable to obtain a TIN in the table if you have selected this reason)<br>理由 Explanation :_____<br>☐ **C 無需提供稅籍編號。(僅針對所填寫之稅籍國家規定無需揭露稅籍編號時，才能選填此項)** No TIN is required. (Note. Only select this reason if the authorities of the jurisdiction entered do not require the TIN to be disclosed) |

*00-00035-01*

1/4 (108 年 01 月版)

填入護照上的英文姓名
Điền họ tên tiếng Anh như trên hộ chiếu

填入在台灣或母國的英文地址
Điền địa chỉ bằng tiếng Anh tại Đài Loan

填入護照上的出生日期及出生地
Điền ngày tháng năm sinh và nơi sinh như trên hộ chiếu

請依據您的稅籍狀況勾選。如您不僅是臺灣稅務居住者，請勾選"2."，並於表格中註明本人所有稅籍國家/地區(包含臺灣)
Vui lòng chọn theo tình trạng thuế của bạn. Nếu bạn không chỉ là cư dân thuế tại Đài Loan, vui lòng chọn "2." và điền tất cả quốc gia/khu vực nơi bạn có nghĩa vụ thuế (bao gồm Đài Loan).

如您可以取得母國(越南)之稅籍編號，請填寫越南的國家代號：VN於①，並填寫稅籍編號於 ②
Nếu bạn có thể cung cấp mã số thuế của quốc gia gốc (Việt Nam), vui lòng điền mã quốc gia của Việt Nam: VN vào mục ① , và điền mã số thuế vào mục ②

- 填寫母國的稅籍編號

  Điền mã số thuế tại quốc gia gốc

- 稅務識別碼說明

  Giải thích về nhận biết mã số thuế

財政部疑義解答 (Q&A) :未自動配發稅務識別碼，需向其稅捐稽徵機關核發稅務識別碼證書，或經由授權單位代為申請核發並獲其通知。
稅務識別碼、核發日期、狀態及管理機關等資訊，可至 https://www.tncnonline.com.vn 或 http://tracuunnt.gdt.gov.vn 網站查詢。

Bộ Tài chính giải đáp (Q&A): Trường hợp không được tự động cấp mã số thuế, cần đến cơ quan thuế có thẩm quyền để xin cấp Giấy chứng nhận mã số thuế, hoặc ủy quyền cho đơn vị được cấp phép thực hiện thủ tục xin cấp và nhận thông báo.
Thông tin về mã số thuế, ngày cấp, trạng thái và cơ quan quản lý có thể tra cứu tại trang web http://tracuunnt.gdt.gov.vn

如您無法提供該國稅籍編號，請勾選原因 A、B或C
Nếu bạn không cung cấp được mã số thuế của quốc gia đó, vui lòng chọn lý do A, B hoặc C.

A. 我所屬的稅務國家並無發給稅籍編號予其稅務居住者
   Quốc gia thuế của tôi không cấp mã số thuế cho cư dân thuế
B. 我無法取得稅籍編號或類似編號。若勾選B，請於欄位內以英文填寫無法取得稅籍編號之原因
   Tôi không thể lấy được mã số thuế hoặc mã số tương tự. Nếu chọn B, vui lòng giải thích bằng tiếng Anh lý do không thể lấy mã số thuế)
C. 無須提供稅籍編號(僅針對所填寫之稅籍國家規定無須揭露稅籍編號時，才能選填此項)
   Không cần cung cấp mã số thuế (Chỉ áp dụng cho quốc gia/khu vực thuế không yêu cầu tiết lộ mã số thuế, mới được chọn lý do này)

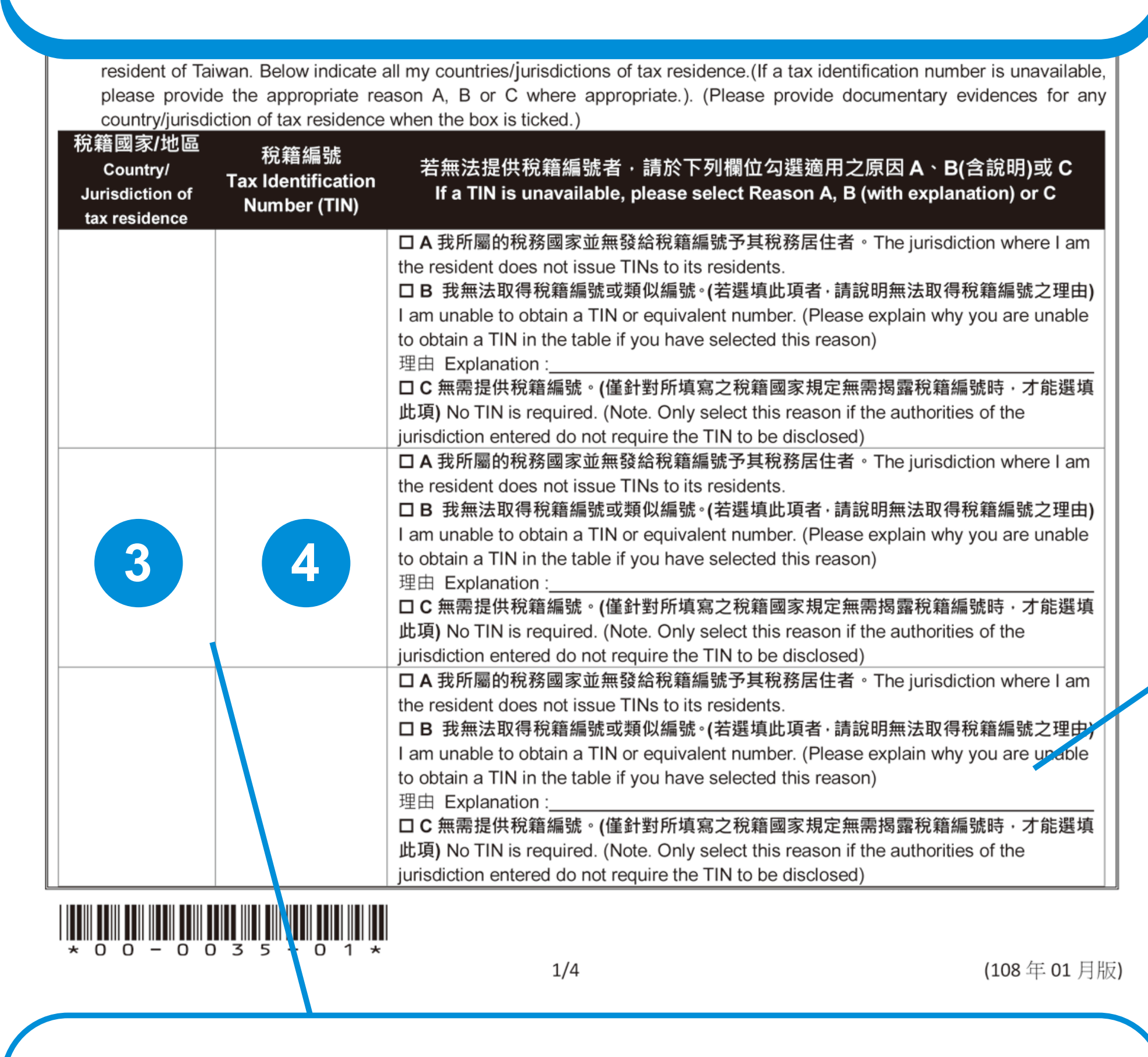

resident of Taiwan. Below indicate all my countries/jurisdictions of tax residence.(If a tax identification number is unavailable, please provide the appropriate reason A, B or C where appropriate.). (Please provide documentary evidences for any country/jurisdiction of tax residence when the box is ticked.)

| 稅籍國家/地區 Country/ Jurisdiction of tax residence | 稅籍編號 Tax Identification Number (TIN) | 若無法提供稅籍編號者，請於下列欄位勾選適用之原因 A、B(含說明)或 C If a TIN is unavailable, please select Reason A, B (with explanation) or C |
|---|---|---|
| | | ☐ **A 我所屬的稅務國家並無發給稅籍編號予其稅務居住者**。The jurisdiction where I am the resident does not issue TINs to its residents.<br>☐ **B 我無法取得稅籍編號或類似編號。(若選填此項者，請說明無法取得稅籍編號之理由)** I am unable to obtain a TIN or equivalent number. (Please explain why you are unable to obtain a TIN in the table if you have selected this reason)<br>理由 Explanation :_____<br>☐ **C 無需提供稅籍編號。(僅針對所填寫之稅籍國家規定無需揭露稅籍編號時，才能選填此項)** No TIN is required. (Note. Only select this reason if the authorities of the jurisdiction entered do not require the TIN to be disclosed) |
| ③ | ④ | ☐ **A 我所屬的稅務國家並無發給稅籍編號予其稅務居住者**。The jurisdiction where I am the resident does not issue TINs to its residents.<br>☐ **B 我無法取得稅籍編號或類似編號。(若選填此項者，請說明無法取得稅籍編號之理由)** I am unable to obtain a TIN or equivalent number. (Please explain why you are unable to obtain a TIN in the table if you have selected this reason)<br>理由 Explanation :_____<br>☐ **C 無需提供稅籍編號。(僅針對所填寫之稅籍國家規定無需揭露稅籍編號時，才能選填此項)** No TIN is required. (Note. Only select this reason if the authorities of the jurisdiction entered do not require the TIN to be disclosed) |
| | | ☐ **A 我所屬的稅務國家並無發給稅籍編號予其稅務居住者**。The jurisdiction where I am the resident does not issue TINs to its residents.<br>☐ **B 我無法取得稅籍編號或類似編號。(若選填此項者，請說明無法取得稅籍編號之理由)** I am unable to obtain a TIN or equivalent number. (Please explain why you are unable to obtain a TIN in the table if you have selected this reason)<br>理由 Explanation :_____<br>☐ **C 無需提供稅籍編號。(僅針對所填寫之稅籍國家規定無需揭露稅籍編號時，才能選填此項)** No TIN is required. (Note. Only select this reason if the authorities of the jurisdiction entered do not require the TIN to be disclosed) |

*00-00035-01*

1/4 (108 年 01 月版)

如您還有台灣或母國以外的其餘稅籍身分，請註明本人所有稅籍國家/地區
Nếu bạn có nghĩa vụ nộp thuế tại quốc gia/khu vực khác ngoài Đài Loan và Việt Nam, vui lòng ghi rõ các quốc gia/khu vực đó.

③ 填寫台灣的國家代：TW
Điền mã quốc gia của Đài Loan：TW

④ 填寫台灣居留證號碼
Điền số thẻ cư trú (ARC) tại Đài Loan

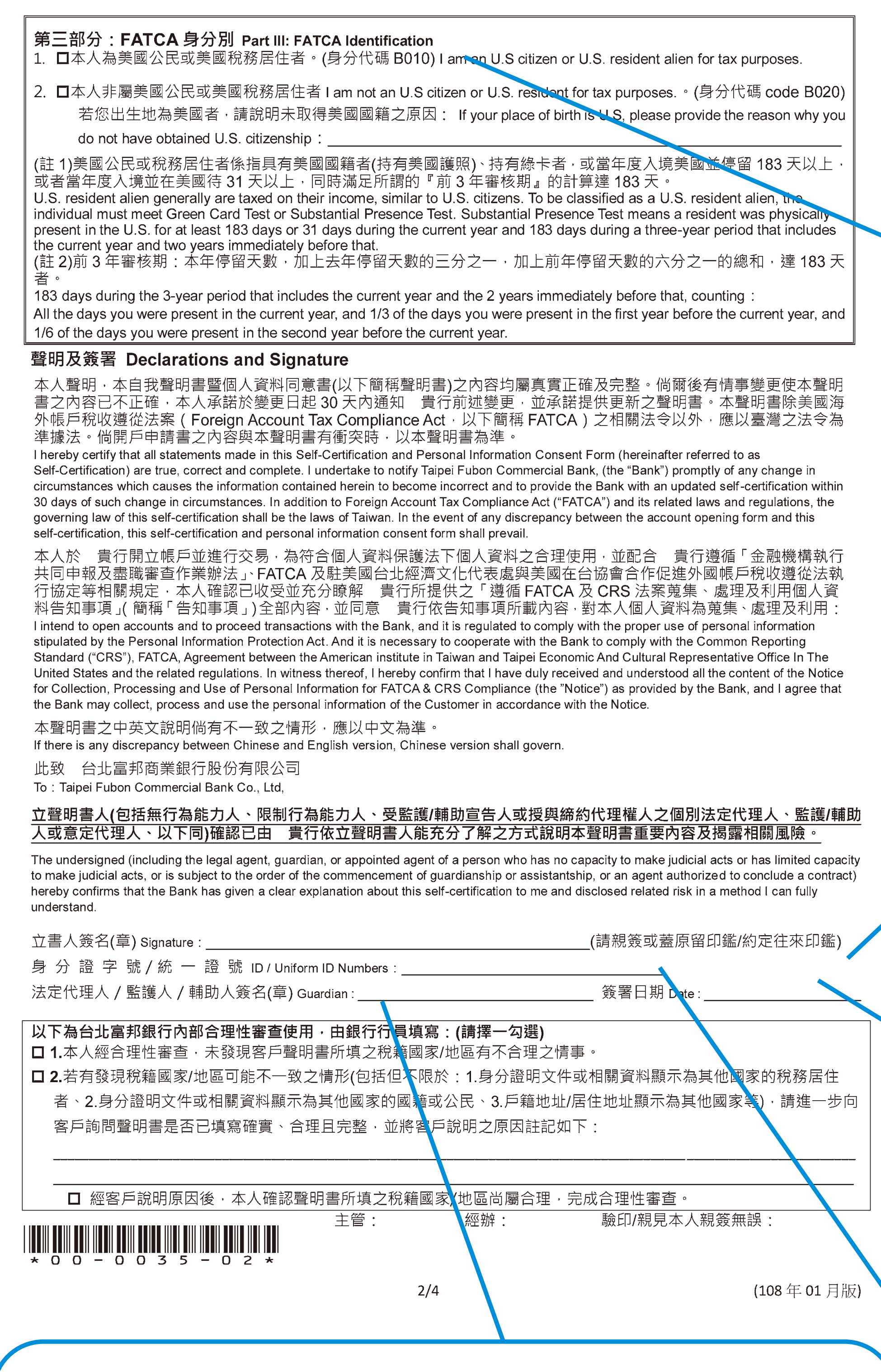

**第三部分：FATCA 身分別 Part III: FATCA Identification**

1. ☐本人為美國公民或美國稅務居住者。(身分代碼 B010) I am an U.S citizen or U.S. resident alien for tax purposes.
2. ☐本人非屬美國公民或美國稅務居住者 I am not an U.S citizen or U.S. resident for tax purposes.。(身分代碼 code B020)
   若您出生地為美國者，請說明未取得美國國籍之原因： If your place of birth is U.S, please provide the reason why you do not have obtained U.S. citizenship：_____

(註 1)美國公民或稅務居住者係指具有美國國籍者(持有美國護照)、持有綠卡者，或當年度入境美國並停留 183 天以上，或者當年度入境並在美國待 31 天以上，同時滿足所謂的『前 3 年審核期』的計算達 183 天。
U.S. resident alien generally are taxed on their income, similar to U.S. citizens. To be classified as a U.S. resident alien, the individual must meet Green Card Test or Substantial Presence Test. Substantial Presence Test means a resident was physically present in the U.S. for at least 183 days or 31 days during the current year and 183 days during a three-year period that includes the current year and two years immediately before that.
(註 2)前 3 年審核期：本年停留天數，加上去年停留天數的三分之一，加上前年停留天數的六分之一的總和，達 183 天者。
183 days during the 3-year period that includes the current year and the 2 years immediately before that, counting：
All the days you were present in the current year, and 1/3 of the days you were present in the first year before the current year, and 1/6 of the days you were present in the second year before the current year.

**聲明及簽署 Declarations and Signature**

本人聲明，本自我聲明書暨個人資料同意書(以下簡稱聲明書)之內容均屬真實正確及完整。倘爾後有情事變更使本聲明書之內容已不正確，本人承諾於變更日起 30 天內通知　貴行前述變更，並承諾提供更新之聲明書。本聲明書除美國海外帳戶稅收遵從法案(Foreign Account Tax Compliance Act，以下簡稱 FATCA)之相關法令以外，應以臺灣之法令為準據法。倘開戶申請書之內容與本聲明書有衝突時，以本聲明書為準。
I hereby certify that all statements made in this Self-Certification and Personal Information Consent Form (hereinafter referred to as Self-Certification) are true, correct and complete. I undertake to notify Taipei Fubon Commercial Bank, (the “Bank”) promptly of any change in circumstances which causes the information contained herein to become incorrect and to provide the Bank with an updated self-certification within 30 days of such change in circumstances. In addition to Foreign Account Tax Compliance Act (“FATCA”) and its related laws and regulations, the governing law of this self-certification shall be the laws of Taiwan. In the event of any discrepancy between the account opening form and this self-certification, this self-certification and personal information consent form shall prevail.

本人於　貴行開立帳戶並進行交易，為符合個人資料保護法下個人資料之合理使用，並配合　貴行遵循「金融機構執行共同申報及盡職審查作業辦法」、FATCA 及駐美國台北經濟文化代表處與美國在台協會合作促進外國帳戶稅收遵從法執行協定等相關規定，本人確認已收受並充分瞭解　貴行所提供之「遵循 FATCA 及 CRS 法案蒐集、處理及利用個人資料告知事項」(簡稱「告知事項」)全部內容，並同意　貴行依告知事項所載內容，對本人個人資料為蒐集、處理及利用：
I intend to open accounts and to proceed transactions with the Bank, and it is regulated to comply with the proper use of personal information stipulated by the Personal Information Protection Act. And it is necessary to cooperate with the Bank to comply with the Common Reporting Standard (“CRS”), FATCA, Agreement between the American institute in Taiwan and Taipei Economic And Cultural Representative Office In The United States and the related regulations. In witness thereof, I hereby confirm that I have duly received and understood all the content of the Notice for Collection, Processing and Use of Personal Information for FATCA & CRS Compliance (the ”Notice”) as provided by the Bank, and I agree that the Bank may collect, process and use the personal information of the Customer in accordance with the Notice.

本聲明書之中英文說明倘有不一致之情形，應以中文為準。
If there is any discrepancy between Chinese and English version, Chinese version shall govern.

此致　台北富邦商業銀行股份有限公司
To：Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd,

**立聲明書人(包括無行為能力人、限制行為能力人、受監護/輔助宣告人或授與締約代理權人之個別法定代理人、監護/輔助人或意定代理人、以下同)確認已由　貴行依立聲明書人能充分了解之方式說明本聲明書重要內容及揭露相關風險。**

The undersigned (including the legal agent, guardian, or appointed agent of a person who has no capacity to make judicial acts or has limited capacity to make judicial acts, or is subject to the order of the commencement of guardianship or assistantship, or an agent authorized to conclude a contract) hereby confirms that the Bank has given a clear explanation about this self-certification to me and disclosed related risk in a method I can fully understand.

立書人簽名(章) Signature：_____(請親簽或蓋原留印鑑/約定往來印鑑)
身分證字號/統一證號 ID / Uniform ID Numbers：_____
法定代理人 / 監護人 / 輔助人簽名(章) Guardian：_____ 簽署日期 Date：_____

**以下為台北富邦銀行內部合理性審查使用，由銀行行員填寫：(請擇一勾選)**
☐ **1.**本人經合理性審查，未發現客戶聲明書所填之稅籍國家/地區有不合理之情事。
☐ **2.**若有發現稅籍國家/地區可能不一致之情形(包括但不限於：1.身分證明文件或相關資料顯示為其他國家的稅務居住者、2.身分證明文件或相關資料顯示為其他國家的國籍或公民、3.戶籍地址/居住地址顯示為其他國家等)，請進一步向客戶詢問聲明書是否已填寫確實、合理且完整，並將客戶說明之原因註記如下：
_____
_____
☐ 經客戶說明原因後，本人確認聲明書所填之稅籍國家/地區尚屬合理，完成合理性審查。

主管： 經辦： 驗印/親見本人親簽無誤：

*00-00035-02*

2/4 (108 年 01 月版)

請勾選您是否屬於美國公民或美國稅務居民，若是，請勾選1；若否，請勾選2*。
*若您出生地為美國，請填寫欄位以說明未取得美國國籍之原因。
Bạn có phải là công dân Mỹ hoặc cư dân thuế tại Mỹ không, nếu đúng, vui lòng chọn 1, nếu không, vui lòng chọn 2*.
*Nếu bạn sinh ra tại Mỹ nhưng không có quốc tịch Mỹ, vui lòng giải thích lý do chưa lấy quốc tịch Mỹ tại ô tương ứng.

親筆簽名，或蓋原留印鑑/約定往來印鑑
(請注意，親筆簽名應與印鑑卡相同)
Chữ ký hoặc con dấu đã đăng ký (Lưu ý, chữ ký phải giống với tên trên con dấu)

請簽署日期，應包含完整之西元「年／月／日」
Vui lòng ký và điền ngày tháng, theo định dạng đầy đủ: Năm/Tháng/Ngày

如此聲明書係由法定代理人／監護人／輔助人填寫者，請於此欄位簽名或蓋章。
Nếu tờ khai này được người đại diện pháp lý/người giám hộ/người hỗ trợ điền thay, vui lòng ký tên hoặc đóng dấu vào ô tương ứng.

請填寫立書人之居留證號碼
Vui lòng điền số thẻ cư trú (ARC) của người khai báo.